TÒ A Á N NHÂ N DÂ N **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 104/2024/DS-ST Ngày 30-7-2024 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂ N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Ngọc Điệp;

2. Bà Trương Thị Thu Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương *tham gia phiên tòa:* Bà Diệp Ngọc Dinh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 283/2024/TLST-DS ngày 15/4/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2024/QĐXXST-DS ngày 03/7/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Mỹ V, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ô ng Bùi Hồng N, sinh năm 1987; địa chỉ: 2 tổ C, khu phố F, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (theo hợp đồng ủy quyền ngày 16/3/2024). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1987; địa chỉ: Số F, đường T, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/3/2024, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Bùi Hồng N trình bày:

Do quen biết nên bà Trần Thị Mỹ V cho bà Nguyễn Thị Kim H vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) để phục vụ cho việc kinh doanh của gia

đình, việc vay tiền thể hiện tại giấy nhận tiền ngày 02/11/2020, thời hạn vay đến ngày 02/01/2021, lãi suất thoả thuận 4%/tháng. Sau khi vay tiền, bà V đã trả cho bà H 06 tháng tiền lãi với số tiền là 24.000.000 đồng (trả từ tháng 12/2020 đến tháng 5/2021). Từ tháng 6/2021 trả 3.500.000 đồng; tháng 7 và tháng 8 năm 2021 không trả lãi. Từ tháng 9/2021 đến tháng 11/2021 trả lãi mỗi tháng 3.500.000 đồng. Tiền lãi từ tháng 6/2021 đến tháng 11/2021 bà H đã trả là 14.000.000 đồng, tổng số tiền lãi bà V đã nhận của bà H là 38.000.000 đồng, hình thức trả lãi là bà H chuyển khoản cho bà V. Từ tháng 12/2021 đến nay bà H không trả tiền cho bà V mặc dù bà V đã nhiều lần yêu cầu, ngoài ra bà H cố tình trốn tránh bà V. Do đó, bà V khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền nợ gốc đã vay là 100.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 03/01/2021 cho đến khi xét xử sơ thẩm, tạm tính 3.000.000 đồng.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: 01 giấy nhận tiền ngày 02/11/2020 có chữ ký và dấu lăn tay của bà H.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày: Thống nhất trình bày của nguyên đơn về việc ngày 02/11/2020, bà H có vay của bà V số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), thời hạn vay 02 tháng và lãi suất thỏa thuận 4%/tháng, việc vay tiền thể hiện tại giấy nhận tiền ngày 02/11/2020. Do kinh doanh thất bại nên bà H chưa trả được nợ gốc cho bà V. Đối với tiền lãi suất bà H đã trả cho bà V đến tháng 11/2021 nhưng số tiền cụ thể thì bà H không nhớ do thời gian đã lâu. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà H trả tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng thì bà H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và đương sự chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Bùi Hồng N và bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Bùi Hồng N và bà Nguyễn Thị Kim H là đúng quy định. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận một phần, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Bùi Hồng N và bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Bùi Hồng N1 và bà Nguyễn Thị Kim H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn và bị đơn thống nhất xác định bà Trần Thị Mỹ V đã cho bà Nguyễn Thị Kim H vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) thể

hiện tại giấy nhận tiền ngày 02/11/2020 có chữ ký và dấu lăn của bà Nguyễn Thị Kim H, thời hạn vay 02 tháng, lãi suất 4%/tháng. Quá trình vay tiền, bà Nguyễn Thị Kim H chưa trả tiền nợ gốc nhưng trả tiền lãi suất đến tháng 11/2021, sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2.2] Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc khi đến hạn, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bên cho vay. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả tiền cho nguyên đơn là phù hợp. Quá trình tố tụng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc đã vay là 100.000.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 03/01/2021 cho đến khi xét xử sơ thẩm, ngoài ra nguyên đơn xác định đã nhận tiền lãi của bị đơn theo mức lãi suất 4%/tháng với số tiền 38.000.000 đồng, sự thừa nhận này là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự: "Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác." Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực". Như vậy, căn cứ vào quy định trên thì lãi suất các bên thỏa thuận không được vượt quá 1,67%/tháng (lẽ ra tiền lãi nguyên đơn được nhận là 10.020.000 đồng), do đó phần lãi suất vượt quá không có hiệu lực và được trừ vào tiền nợ gốc theo quy định tại Điều 9 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Cụ thể: 38.000.000 đồng - 10.020.000 đồng = 27.980.000 đồng. Như vậy, số tiền vượt quá 27.980.000 đồng sẽ được trừ vào nợ gốc 100.000.000 đồng = 72.020.000 đồng, do đó chỉ có căn cứ buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 72.020.000 đồng.

[2.4] Đối với yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 03/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm, xét thấy: Tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự quy định về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: "Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật này". Do đó, nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả với mức lãi suất 0,83%/tháng là có căn cứ. Cụ thể: 72.020.000 đồng x 0,83%/tháng x 42 tháng 27 ngày (tính đến ngày 30/7/2024) = 25.645.990 đồng. Như vậy, tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 97.665.990 đồng

[3] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn và bị đơn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463, 466, 357, 468, 471 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ V đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim H phải trả cho bà Trần Thị Mỹ V số tiền 97.665.990 đồng (chín mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi lăm ngàn chín trăm chín mươi đồng), trong đó nợ gốc là 72.020.000 đồng (bảy mươi hai triệu không trăm hai mươi ngàn đồng) và tiền lãi là 25.645.990 đồng (hai mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn chín trăm chín mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Kim H phải nộp 4.883.300 đồng (bốn triệu tám trăm tám mươi ba ba ngàn ba trăm đồng).

- Bà Trần Thị Mỹ V phải nộp 1.399.000 đồng (một triệu ba trăm chin mươi chin ngàn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng 2.575.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002368 ngày 08/4/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Trả lại cho bà Trần Thị Mỹ V số tiền 1.176.000 đồng (một triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn đồng) tạm ứng án phí còn lại.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự ;
- TAND tỉnh Bình Dương ;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Thị Ngọc Liên

Hội đồng xét xử sơ thẩm

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà**

TÒ A Á N NHÂ N DÂ N
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 04 tháng 10 năm 2022, tại Phòng nghị án Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc L.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. .....

2. .....

Tiến hành nghị án vụ án Dân sự thụ lý số 232/2022/TLST-DS ngày 16/6/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Kim N2, sinh năm 1961; địa chỉ: Số E, khu phố C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:*

- Ô ng Nguyễn Trùng D, sinh năm: 1968; địa chỉ: Số B, tổ B, khu B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Bà Hồ Thị Thu H1, sinh năm 1970; địa chỉ: Số B, tổ B, khu B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Kim N2 đối với bị đơn ông Nguyễn Trùng D và bà Hồ Thị Thu H1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn Trùng D và bà Hồ Thị Thu H1 phải trả cho bà Trần Kim N2 số tiền 480.000.000 đồng.

Buộc bà Hồ Thị Thu H1 phải trả cho bà Trần Kim N2 số tiền 1.620.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành ántheo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bà Trần Kim N2 phải trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS07437 do Sở T cấp ngày 23/8/2016 cho ông Nguyễn Trùng D, diện tích 33,7m^2 thuộc thửa 275, tờ bản đồ số 60 tọa lạc phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương cho ông Nguyễn Trùng D và bà Hồ Thị Thu H1.

Kết quả biểu quyết 3/3

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ô ng Nguyễn Trùng D và bà Hồ Thị Thu H1 phải nộp 23.200.000 đồng đối với số tiền 480.000.000 đồng.

- Bà Hồ Thị Thu H1 phải nộp …60.600.000 đồng đối với số tiền 1.620.000.000 đồng.

Kết quả biểu quyết 3/3

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kết quả biểu quyết 3/3

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi ….. giờ….. phút cùng ngày.

Hội đồng xét xử sơ thẩm

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà**

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán–chủ tọa phiên toà**